DANH SÁCH HSSV ĐỦ ĐIỀU KIỆN NHẬN GIẤY CHỨNG NHẬN TỐT NGHIỆP TẠM THỜI
BẬC TCCN KHOÁ 2009, 2010, 2011
XÉT BỔ SUNG, HOÀN TẤT CÁC MÔN BỔ TÚC VĂN HOÁ VÀ HOÀN TẤT CHỨNG CHỈ CHUẨN ĐẦU RA

STT	Thông tin sinh viên							Điểm xếp loại TN	Xếp loại TN	Đợt xét TN	Ghi chú	Ngày nhận	Người ký nhận
	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học						
NGÀNH: DƯỢC													
1	3109010517	Đặng Thị Ngọc	Nhi	Nữ	28/12/1991	Tỉnh Sóc Trăng	09TDS24	6	Trung bình	2 - 2012	Trả nợ tốt nghiệp các môn BTVH Thi lại tốt nghiệp		
2	3110008514	Lê Viết	Hoài	Nam	09/09/1985	Tỉnh Bình Thuận	10TDS26	6.9	Trung bình	3 - 2012	Thi lại tốt nghiệp		
3	3109010515	Ngô Phúc	Hậu	Nam	09/06/1990	Tỉnh Sóc Trăng	09TDS24	5.9	Trung bình	2 - 2013	Trả nợ tốt nghiệp các môn BTVH Thi lại tốt nghiệp		
4	3111000539	Mai Hoàng	Dũng	Nam	23/06/1968	Thành phố Cần Thơ	11TDSP21	7.5	Khá	2 - 2013	Trả nợ chứng chỉ chuẩn đầu ra		
NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG													
5	3109010391	Lê Ngọc	Yến	Nữ	13/10/1991	TP. Hồ Chí Minh	09TDD14	6.4	Trung bình	2 - 2012	Trả nợ tốt nghiệp các môn BTVH		
6	3110000109	Trần Huỳnh	Phương	Nữ	03/06/1988	TP. Hồ Chí Minh	10TDD01	7.8	Khá	2 - 2012	Trả nợ chứng chỉ chuẩn đầu ra		
7	3110000017	Lê Thị Hồng	Yến	Nữ	19/03/1991	Tỉnh Tiền Giang	10TDD01	7.5	Khá	2 - 2012	Trả nợ chứng chỉ chuẩn đầu ra		
8	3110001248	Huỳnh Thanh	Tú	Nam	06/11/1991	TP. Hồ Chí Minh	10TDD02	6.3	Trung bình khá	2 - 2012	Trả nợ chứng chỉ chuẩn đầu ra		
9	3109148117	Võ Thị	Rỡ	Nữ	25/11/1991	Tỉnh Long An	10TDD03	6.8	Trung bình	2 - 2012	Trả nợ chứng chỉ chuẩn đầu ra		
10	3110001775	Lê Thị Phương	Thúy	Nữ	22/10/1989	Tỉnh Bình Thuận	10TDD03	6.5	Trung bình khá	2 - 2012	Trả nợ chứng chỉ chuẩn đầu ra		
11	3110001302	Trần Thanh	Tuyền	Nữ	24/11/1981	Tỉnh Đồng Tháp	10TDD03	7.4	Khá	2 - 2012	Trả nợ chứng chỉ chuẩn đầu ra		
12	3110005894	Lê Thị	Ngân	Nữ	05/09/1989	Tỉnh Thanh Hóa	10TDD04	7.3	Khá	2 - 2012	Trả nợ chứng chỉ chuẩn đầu ra		
13	3110001950	Huỳnh Thị Kim	Thắm	Nữ	20/06/1991	Tỉnh Bình Thuận	10TDD04	7.4	Khá	2 - 2012	Trả nợ chứng chỉ chuẩn đầu ra		
14	3110001795	Phan Thị Thanh	Thúy	Nữ	21/01/1990	TP. Hồ Chí Minh	10TDD04	7.3	Khá	2 - 2012	Trả nợ chứng chỉ chuẩn đầu ra		
15	3110006873	Nguyễn Võ Diễm	Ngân	Nữ	16/08/1991	TP. Hồ Chí Minh	10TDD07	6.7	Trung bình khá	2 - 2012	Trả nợ chứng chỉ chuẩn đầu ra		
16	3110004158	Phan Thị Thu	Thảo	Nữ	24/04/1992	Tỉnh Quảng Ngãi	10TDD07	6.5	Trung bình khá	2 - 2012	Trả nợ chứng chỉ chuẩn đầu ra		
17	3110007489	Nguyễn Thị Hoài	Linh	Nữ	15/04/1992	Tỉnh Tây Ninh	10TDD08	7.2	Khá	2 - 2012	Trả nợ chứng chỉ chuẩn đầu ra		
18	3110007458	Lê Thị Ngọc	Tím	Nữ	16/11/1992	Tỉnh Đồng Tháp	10TDD08	7.3	Khá	2 - 2012	Trả nợ chứng chỉ chuẩn đầu ra		

STT	Thông tin sinh viên							Điểm xếp loại TN	Xếp loại TN	Đợt xét TN	Ghi chú	Ngày nhận	Người ký nhận
	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học						
19	3110008017	Nguyễn Thiện	Kim	Nữ	16/09/1986	Tỉnh Đồng Tháp	10TDD09	7.2	Khá	2 - 2012	Trả nợ chứng chỉ chuẩn đầu ra		
20	3110007946	Nguyễn Văn	Luân	Nam	21/10/1990	Tỉnh Quảng Ngãi	10TDD09	6.2	Trung bình khá	2 - 2012	Trả nợ chứng chỉ chuẩn đầu ra		
21	3110007773	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	05/02/1992	Tỉnh Quảng Bình	10TDD09	6.8	Trung bình khá	2 - 2012	Trả nợ chứng chỉ chuẩn đầu ra		
22	3110008504	Trần Thị Thùy	Linh	Nữ		Tỉnh Đồng Tháp	10TDD10	7.6	Khá	2 - 2012	Trả nợ chứng chỉ chuẩn đầu ra		
23	3110008674	Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	09/04/1991	Tỉnh Thanh Hóa	10TDD10	6.8	Trung bình khá	2 - 2012	Trả nợ chứng chỉ chuẩn đầu ra		
24	3110008540	Võ Minh	Tâm	Nam	14/10/1992	Tỉnh Bến Tre	10TDD10	7.1	Khá	2 - 2012	Trả nợ chứng chỉ chuẩn đầu ra		
25	3110001064	Nguyễn Thị Minh	Tuyền	Nữ	31/10/1992	Tỉnh Tiền Giang	10TDD11	7.1	Khá	2 - 2012	Trả nợ chứng chỉ chuẩn đầu ra		
26	3110001403	Trần Thị	Phương	Nữ	22/05/1991	Tỉnh Đắk Lắk	10TDD12	7.3	Khá	2 - 2012	Trả nợ chứng chỉ chuẩn đầu ra		
27	3110007210	Nguyễn Minh	Thu	Nữ	26/10/1985	Tỉnh Long An	10TDD13	6.5	Trung bình	1 - 2013	Trả nợ chứng chỉ chuẩn đầu ra Trả nợ tốt nghiệp các môn BTVH Thi lại tốt nghiệp		
NGÀNH: TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG													
28	3110006636	Ngô Thị	Linh	Nữ	09/10/1989	Tỉnh Nghệ An	10TTC01	6.9	Trung bình khá	1 - 2012	Trả nợ chứng chỉ chuẩn đầu ra		
29	3110005946	Nguyễn Thị Bảo	Yến	Nữ	12/02/1992	Tỉnh Đắk Lắk	10TTC01	6.4	Trung bình khá	1 - 2012	Trả nợ chứng chỉ chuẩn đầu ra		
30	3110000555	Nguyễn Đức	Cường	Nam	19/10/1989	Tỉnh Đồng Nai	10TTC01	6.2	Trung bình	3 - 2012	Trả nợ chứng chỉ chuẩn đầu ra Thi lại tốt nghiệp		
31	3110006260	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	20/10/1992	TP. Hồ Chí Minh	10TTC01	5.9	Trung bình	3 - 2012	Trả nợ chứng chỉ chuẩn đầu ra Thi lại tốt nghiệp		
32	3110008562	Trần Hoàng	Nhân	Nam	01/07/1990	TP. Hồ Chí Minh	10TTC02	6.9	Trung bình	3 - 2012	Trả nợ chứng chỉ chuẩn đầu ra Thi lại tốt nghiệp		
33	3110007920	Huỳnh Thùy	Nhiên	Nữ	02/01/1990	Tỉnh Cà Mau	10TTC02	6	Trung bình	3 - 2012	Trả nợ chứng chỉ chuẩn đầu ra Thi lại tốt nghiệp		
34	3110001180	Đào Ngọc	Thoa	Nữ	25/03/1991	Tỉnh Bến Tre	10TTC11	6.6	Trung bình	3 - 2012	Trả nợ chứng chỉ chuẩn đầu ra Thi lại tốt nghiệp		
35	3109116423	Kiều Nữ Công	Hiền	Nữ	15/01/1985	Tỉnh Ninh Thuận	09TTC11	5.7	Trung bình	3 - 2012	Trả nợ tốt nghiệp các môn BTVH Thi lại tốt nghiệp		**R**
NGÀNH: KỸ THUẬT MÁY TÍNH													
36	3109004437	Lê Minh	Thái	Nam	27/10/1991	Tỉnh Đồng Tháp	09TTH12	5.9	Trung bình	2 - 2012	Trả nợ tốt nghiệp các môn BTVH		
NGÀNH: ĐIỆN CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG													
37	3110008268	Trần Minh	Phúc	Nam	1990	Tỉnh Tây Ninh	10TDC01	6.7	Trung bình	3 - 2012	Trả nợ chứng chỉ chuẩn đầu ra Thi lại tốt nghiệp		

STT	Thông tin sinh viên							Điểm xếp loại TN	Xếp loại TN	Đợt xét TN	Ghi chú	Ngày nhận	Người ký nhận
	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học						
NGÀNH: XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP													
38	3109006353	Chế Thị	Cẩm	Nữ	16/09/1990	Tỉnh Tiền Giang	09TCM11	6.1	Trung bình	3 - 2012	Trả nợ tốt nghiệp các môn BTVH Thi lại tốt nghiệp		**R**
NGÀNH: CÔNG NGHỆ MAY VÀ THỜI TRANG													
39	3110008384	Trần Ngọc	Biên	Nữ	16/09/1991	Tỉnh Bến Tre	10TXD02	6.1	Trung bình	3 - 2012	Trả nợ chứng chỉ chuẩn đầu ra Thi lại tốt nghiệp		

TPHCM, ngày 10 tháng 08 năm 2013

NGƯỜI LẬP BẢNG